

Số: 5 /UBND-NC

Phú Hội, ngày 07 tháng 01 năm 2023

V/v thực hiện một số nội dung
liên quan đến Luật Cư trú năm 2020

Kính gửi:

- UBMTTQVN phường và các Hội đoàn thể phường
- Công an phường;
- Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả phường;
- Các tổ dân phố;

Thực hiện Công văn số 10332 /UBND-NC ngày 31/12/2022 của UBND Thành phố về việc thực hiện một số nội dung liên quan đến Luật Cư trú năm 2020; Để việc triển khai Luật Cư trú năm 2020 thống nhất, đồng bộ, hiệu quả nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân (*Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú có giá trị đến hết ngày 31/12/2022*); UBND phường yêu cầu các công chức, bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả phường, các bộ phận, đơn vị liên quan triển khai một số nội dung sau:

1. Các phương thức sử dụng thông tin công dân thay việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự

1.1. Sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử là giấy tờ pháp lý chứng minh thông tin về cá nhân, nơi thường trú

Tại khoản 1 Điều 3, Điều 18 và Điều 20 Luật Căn cước công dân năm 2014 quy định Căn cước công dân là thông tin cơ bản về lai lịch, nhân dạng của công dân; khi công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không được yêu cầu công dân xuất trình thêm giấy tờ khác chứng nhận các thông tin về căn cước công dân; các thông tin trên mặt thẻ Căn cước công dân, gồm: ⁽¹⁾Ảnh, ⁽²⁾Số thẻ Căn cước công dân (số định danh cá nhân); ⁽³⁾Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽⁴⁾Ngày, tháng, năm sinh; ⁽⁵⁾Giới tính; ⁽⁶⁾Quốc tịch; ⁽⁷⁾Quê quán; ⁽⁸⁾Nơi thường trú; ⁽⁹⁾Ngày, tháng, năm hết hạn; ⁽¹⁰⁾Đặc điểm nhân dạng; ⁽¹¹⁾Vân tay; ⁽¹²⁾Ngày, tháng, năm cấp thẻ; ⁽¹³⁾Họ, chữ đệm và tên, chức danh, chữ ký của người cấp thẻ.

1.2. Sử dụng thiết bị đọc mã QRCode trên thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử

Công dân, cơ quan, tổ chức sử dụng thiết bị đọc QRCode (*theo tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành*) tích hợp với máy tính hoặc thiết bị di

động để đọc thông tin công dân từ mã QRCode trên thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử.

Các thông tin gồm: số căn cước công dân ; số Chứng minh nhân dân 9 số; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi thường trú; Ngày cấp căn cước công dân .

1.3. Sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ Căn cước công dân

Công dân, cơ quan, tổ chức sử dụng thiết bị đọc thông tin trong chip trên thẻ Căn cước công dân phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, giao dịch dân sự... Thiết bị này do Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư - Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an nghiên cứu kết hợp sản xuất.

Các thông tin: ⁽¹⁾Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽²⁾Ngày, tháng, năm sinh; ⁽³⁾Giới tính; ⁽⁴⁾Quê quán; ⁽⁵⁾Dân tộc; ⁽⁶⁾Tôn giáo; ⁽⁷⁾Quốc tịch; ⁽⁸⁾Nơi thường trú; ⁽⁹⁾Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; ⁽¹⁰⁾Số chứng minh nhân dân đã được cấp; ⁽¹¹⁾Ngày cấp; ⁽¹²⁾Ngày hết hạn (của thẻ Căn cước công dân); ⁽¹³⁾Đặc điểm nhân dạng; ⁽¹⁴⁾Ảnh chân dung; ⁽¹⁵⁾Trích chọn vân tay; ⁽¹⁶⁾Số thẻ Căn cước công dân (*số định danh cá nhân*).

1.4. Người dân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân trực tuyến trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để sử dụng khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự, bằng cách:

Bước 1: công dân truy cập trang web dân cư quốc gia theo địa chỉ: <https://dichvucong.dancuquocgia.gov.vn>

Bước 2: đăng nhập tài khoản/mật khẩu truy cập (*sử dụng tài khoản Cổng Dịch vụ Công quốc gia*); xác thực nhập mã OTP được hệ thống gửi về điện thoại.

Bước 3: tại trang chủ, truy cập vào chức năng “Thông tin công dân” và nhập các thông tin theo yêu cầu: họ tên, số định danh cá nhân, ngày sinh, số điện thoại, mã xác nhận. Sau đó, nhấn Tìm kiếm.

Bước 4: thông tin cơ bản công dân sẽ hiện thị trên màn hình gồm: ⁽¹⁾Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽²⁾Ngày, tháng, năm sinh; ⁽³⁾Giới tính; ⁽⁴⁾Nơi đăng ký khai sinh; ⁽⁵⁾Quê quán; ⁽⁶⁾Nơi thường trú; ⁽⁷⁾Số định danh cá nhân; ⁽⁸⁾Số chứng minh nhân dân.

1.5. Sử dụng ứng dụng VNeID hiển thị các thông tin trên các thiết bị điện tử để phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự (theo Quyết định số 34/QĐ-TTg ngày 08/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ), bằng cách:

Bước 1: công dân đến cơ quan Công an đăng ký tài khoản mức 2; thực hiện cài đặt ứng dụng VNeID; thực hiện kích hoạt tài khoản trên thiết bị di động khi nhận được tin nhắn thông báo đăng ký tài khoản thành công theo các bước trong ứng dụng VNeID.

Bước 2: sau khi được kích hoạt, việc sử dụng tài khoản định danh điện tử như sau:

(1) Công dân thực hiện đăng nhập một lần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (*liên thông với Cổng Dịch vụ công của các Bộ, ngành, địa phương*) với tên tài khoản là số định danh cá nhân và mật khẩu để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Tùy từng dịch vụ công trực tuyến, thông tin của công dân sẽ được điền vào biểu mẫu điện tử (Form), người dân không phải điền và không sửa được thông tin.

Các thông tin (tùy theo dịch vụ) gồm: ⁽¹⁾Họ, chữ đệm và tên khai sinh ⁽²⁾Ngày, tháng, năm sinh; ⁽³⁾Giới tính; ⁽⁴⁾Quê quán; ⁽⁵⁾Dân tộc; ⁽⁶⁾Tôn giáo; ⁽⁷⁾Quốc tịch; ⁽⁸⁾Nơi thường trú; ⁽⁹⁾Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; ⁽¹⁰⁾Số chứng minh nhân dân đã được cấp; ⁽¹¹⁾Ngày cấp; ⁽¹²⁾Ngày hết hạn; ⁽¹³⁾Đặc điểm nhân dạng; ⁽¹⁴⁾Ảnh chân dung; ⁽¹⁵⁾Trích chọn vân tay; ⁽¹⁶⁾Số thẻ Căn cước công dân (*số định danh cá nhân*).

(2) Sử dụng các thông tin hiển thị trên VNeID:

Công dân sử dụng tài khoản, mật khẩu đăng nhập ứng dụng VNeID trên thiết bị di động. Các thông tin căn cước công dân, thông tin dân cư được tích hợp hiển thị trên ứng dụng VNeID để người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và các giao dịch của người dân.

Thông tin hiển thị trên VneID gồm: số Căn cước công dân; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Quốc tịch; Quê quán; Nơi thường trú; căn cước công dân có giá trị đến; Đặc điểm nhân dạng; Ngày cấp; Số điện thoại.

(3) Các doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp với hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an để sử dụng xác thực điện tử tài khoản định danh điện tử của người dân.

1.6. Sử dụng Xác nhận thông tin về cư trú (ban hành kèm theo Thông tư số 56/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an)

Công dân trực tiếp đến cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú của công dân để đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc gửi yêu cầu xác nhận thông tin về cư trú qua dịch vụ công trực tuyến khi cần thiết (*Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công Bộ Công an, Cổng Dịch vụ công quản lý cư trú*). Cơ quan đăng ký cư trú sẽ cấp xác nhận thông tin về cư trú cho công dân dưới hình thức văn bản hoặc văn bản điện tử theo yêu cầu của công dân. Xác nhận thông tin về cư trú có giá trị 30 ngày kể từ ngày cấp và có giá trị 06 tháng kể từ ngày cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Cư trú năm 2020.

Công an phường tạo điều kiện tối đa cho công dân khi giải quyết thủ tục cấp xác nhận thông tin về cư trú để thực hiện thủ tục hành chính khi có yêu cầu. Xác

nhận thông tin về cư trú (*mẫu CT07 ban hành kèm Thông tư số 56/2021/TT-BCA*) đã có đầy đủ thông tin cá nhân, thông tin về nơi cư trú của công dân, thông tin về chủ hộ, mối quan hệ của các thành viên trong hộ gia đình, cụ thể: ⁽¹⁾Số định danh cá nhân; ⁽²⁾Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽³⁾Ngày, tháng, năm sinh; ⁽⁴⁾Giới tính; ⁽⁵⁾Quê quán; ⁽⁶⁾Dân tộc; ⁽⁷⁾Tôn giáo; ⁽⁸⁾Quốc tịch; ⁽⁹⁾Nơi thường trú; ⁽¹⁰⁾Nơi tạm trú; ⁽¹¹⁾Nơi ở hiện tại; ⁽¹²⁾Họ và tên chủ hộ; Quan hệ với chủ hộ và số định danh cá nhân của chủ hộ; ⁽¹³⁾Họ, chữ đệm và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân của các thành viên hộ gia đình và quan hệ với chủ hộ.

1.7. Sử dụng Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (theo quy định tại Thông tư số 59/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an)

Công dân chưa được cấp thẻ Căn cước công dân trên địa bàn thành phố sử dụng Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được Công an thành phố cấp để giải quyết các thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự cần chứng minh nơi cư trú của công dân.

Các thông tin trên Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia: ⁽¹⁾Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽²⁾Ngày, tháng, năm sinh; ⁽³⁾Nhóm máu; ⁽⁴⁾Số định danh cá nhân; ⁽⁵⁾Giới tính; ⁽⁶⁾Tình trạng hôn nhân; ⁽⁷⁾Nơi đăng ký khai sinh; ⁽⁸⁾Quê quán; ⁽⁹⁾Dân tộc; ⁽¹⁰⁾Tôn giáo; ⁽¹¹⁾Quốc tịch; ⁽¹²⁾Nơi thường trú; ⁽¹³⁾Nơi ở hiện tại; ⁽¹⁴⁾Họ, chữ đệm và tên cha; họ, chữ đệm và tên mẹ; họ, chữ đệm và tên vợ/chồng; họ, chữ đệm và tên người đại diện hợp pháp (*nếu có*).

2. Phân công trách nhiệm

2.1. UBNDTTQVN phường, các Hội đoàn thể phường, Công an phường, các bộ phận, công chức UBND phường thực hiện việc giải quyết các thủ tục hành chính:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nội dung của Luật Cư trú năm 2020, các văn bản hướng dẫn thi hành và các phương thức sử dụng thông tin công dân thay việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự trong các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trên địa bàn phường để thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

- Căn cứ thông tin trên thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, xác nhận thông tin về cư trú; các phương thức ứng dụng dữ liệu dân cư và thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử để xác định nơi cư trú của công dân trong giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự. Đồng thời, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung rà soát các văn bản, quy định liên quan đến Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú hoặc có yêu cầu xuất trình giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú để

sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Cư trú 2020, không yêu cầu công dân xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú.

2.2. Bộ phận Văn hóa và Thông tin, Tổ dân phố.

Phối hợp với Công an phường tuyên truyền, phổ biến các phương thức sử dụng thông tin công dân thay việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự đến các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn biết, hiểu rõ để thực hiện có hiệu quả.

2.3. Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả phường: căn cứ hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho nhân dân.

Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc yêu cầu các bộ phận, đơn vị liên quan báo cáo về Văn phòng UBND phường để tổng hợp, tham mưu cho lãnh đạo UBND phường báo cáo UBND Thành phố xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, Các PCT UBND phường;
- VP: LĐ, CVNC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Dũng